

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2019

V/v không công nhận quan hệ vợ,
chồng, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “không công nhận quan hệ vợ, chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L có mặt. Bị đơn ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm L trình bày:*

Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Bà L, ông C chung sống từ sau khi cưới năm 1995 cho đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà L và ông C đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Vì vậy, bà L thấy vợ chồng đã không chung sống với nhau lâu ngày, tình cảm không còn, nên làm đơn xin ly hôn với ông C.

Quá trình chung sống, bà L và ông C có 02 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996; Trần Thế V, sinh ngày 09/10/2002. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 09/10/2002 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà L giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 23/4/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà L; bản sao giấy khai sinh của Trần Thị Kim N và Trần Thế V; bản tự khai của bà L.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Trần Văn C:*

Ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông C.

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông C, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương bà L và ông C có mâu thuẫn gì hay không thì chính quyền địa phương không nắm được. Vì bà L và ông C không báo chính quyền địa phương nên không xác định rõ giữa bà L và ông C có mâu thuẫn như thế nào.

Tuy nhiên, bà L và ông C không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 cho đến nay.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn bà L, bị đơn ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông C là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là không công nhận quan hệ vợ, chồng, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về không công nhận quan hệ vợ, chồng. Về con chung, giao con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 09/9/2002 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà L không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông C, kết quả xác minh xác định bị đơn ông C có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là không công nhận quan hệ vợ, chồng, tranh chấp về nuôi con.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông C đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông C thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 23/4/2019, nguyên đơn bà L khởi kiện ly hôn đối với bị đơn ông C với các yêu cầu: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa L

và ông C được quy định tại các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình . Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông C. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 09/9/2002 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông C tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, bà L và ông C tự nguyện, không vi phạm điều cấm nhưng đã vi phạm các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông C là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, bà L xác định quá trình chung sống bà L và ông C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông C không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần hăm dọa đánh bà L, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng với ông C. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng thường xuyên không sinh sống tại địa phương. Bà L và ông C đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Bị đơn ông C cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy ông C đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa bà L và ông C là phù hợp pháp luật.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông C có 02 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996; Trần Thế V, sinh ngày 09/9/2002. Nguyên đơn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 09/9/2002 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu V hiện đang sinh sống với bà L. Đồng thời, cháu V có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với bà L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi

dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 04/4/1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết .

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng , quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ , phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm L đối với ông Trần Văn C về việc “không công nhận quan hệ vợ, chồng, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Văn C.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Bà Trần Thị Cẩm L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 09/9/2002. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Trần Thị Kim N, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không xem xét.

Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Văn C đều có quyền và nghĩa vụ trông nom , chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật . Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở . Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp

nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó . Vì lợi ích của con chưa thành niên , Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0031451 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/10/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Long Ty